

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con, liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Linh, Hà Nội

- Công ty TNHH SMC – SUMMIT

KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa –
Vũng Tàu.

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại
Vật tư Sao Việt (đã giải thể)

147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013 được trình bày từ trang 06 đến trang 33.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Anh
Chủ tịch
Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Số: 094b/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 30/6/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ



tải chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

P. GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

PHAN ĐỨC DANH

Chứng chỉ KTV số: 2080/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN			30/6/2013	01/01/2013
	Mã	Thuyết		
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.779.755.866.997	1.279.203.391.869
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	182.252.821.237	161.000.344.322
1. Tiền	111		179.844.255.782	56.000.344.322
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.408.565.455	105.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	17.379.283.000	18.883.098.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.351.855.145	21.971.245.925
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.972.572.145)	(3.088.147.925)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	1.416.895.789.618	982.607.653.959
1. Phải thu khách hàng	131		1.238.743.204.752	872.376.326.960
2. Trả trước cho người bán	132		28.412.229.755	79.744.036.318
3. Các khoản phải thu khác	135		160.044.408.603	41.710.123.149
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.304.053.492)	(11.222.832.468)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	107.978.957.745	85.395.570.916
1. Hàng tồn kho	141		110.069.367.763	87.333.986.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.090.410.018)	(1.938.415.992)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	55.249.015.397	31.316.724.672
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.038.362
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.932.997.301	23.709.966.582
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		34.993.203.490	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.322.814.606	7.596.719.728
B. Tài sản dài hạn	200		556.894.676.094	484.830.331.000
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		114.116.392.599	120.574.774.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	34.583.764.380	37.580.989.688
- Nguyên giá	222		56.260.330.795	57.650.122.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.676.566.415)	(20.069.132.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	34.375.272.569	38.266.812.860
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.540.130.340)	(648.590.049)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	36.936.023.099	36.996.759.543
- Nguyên giá	228		37.674.961.246	37.686.961.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(738.938.147)	(690.201.703)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	8.221.332.551	7.730.212.551
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.10	433.794.433.829	355.000.709.836
1. Đầu tư vào công ty con	251		345.584.000.000	265.584.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		43.390.000.000	43.390.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		76.970.767.544	77.778.994.814
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(32.150.333.715)	(31.752.284.978)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.11	8.983.849.666	9.254.846.522
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.982.372.023	6.253.368.879
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.001.477.643	3.001.477.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.336.650.543.091	1.764.033.722.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		1.777.907.623.472	1.201.506.608.313
I. Nợ ngắn hạn	310	V.12	1.739.842.596.300	1.107.975.089.486
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		804.363.884.609	599.040.984.670
2. Phải trả người bán	312		898.752.692.970	470.198.477.708
3. Người mua trả tiền trước	313		5.205.663.543	16.047.138.954
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		33.507.474	9.017.519.520
5. Phải trả người lao động	315		-	1.885.903.001
6. Chi phí phải trả	316		660.025.555	877.385.486
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		20.828.700.707	2.557.084.945
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.998.121.442	8.350.595.202
II. Nợ dài hạn	330	V.13	38.065.027.172	93.531.518.827
1. Vay và nợ dài hạn	334		19.628.977.202	22.298.620.867
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		18.436.049.970	71.232.897.960
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.14	558.742.919.619	562.527.114.556
I. Vốn chủ sở hữu	410		558.742.919.619	562.527.114.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		74.960.097.238	67.543.366.739
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.417.791.134	15.417.791.134
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.792.143.887	30.993.069.323
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.336.650.543.091	1.764.033.722.869

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826
5. Ngoại tệ các loại - USD	2,438,202.72	242,881.49
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.



Đỗ Doãn Thành Công
 Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2013


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	22.607.428.904	53.018.418.525
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.860.107.248	2.670.769.840
Các khoản dự phòng	03	(484.311.993)	6.865.944.316
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(145.120.411)	(1.068.293.767)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(41.305.018.352)	(43.974.990.323)
Chi phí lãi vay	06	22.465.156.709	28.219.315.329
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	9.998.242.105	45.731.163.920
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(452.594.719.778)	(108.353.973.473)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(22.645.986.060)	(18.786.985.239)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	378.491.347.595	(189.120.388.315)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	10.038.362	3.672.000
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.805.131.154)	(27.425.516.442)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.953.862.124)	(4.502.848.193)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	220.931.157	143.016.477.136
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8.546.039.223)	(1.718.622.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(123.825.179.120)	(161.157.021.198)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(491.120.000)	(9.590.088.484)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	218.272.727	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.100.000.000)	(176.611.333.754)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.300.000.000	176.611.333.754
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80.458.000.000)	(56.963.111.826)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.963.847.000	9.075.659.863
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.808.516.675	43.974.990.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.758.483.598)	(13.502.550.124)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.852.042.466.650	2.989.108.593.890
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.646.615.597.023)	(2.867.550.883.163)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.994.544.510)	(1.057.148.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.653.156.400)	(14.755.825.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	181.779.168.717	105.744.737.539
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	21.195.505.999	(68.914.833.783)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	161.000.344.322	145.807.322.249
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.970.916	(99.788.060)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	182.252.821.237	76.792.700.406

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


 Đỗ Doãn Thành Công
 Người lập biểu


 Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2013: 86 người.

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	80,64%	80,64%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35,00%	35,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 30/6/2013: 21.130 VND/USD.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 03 năm

7. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị	05 năm
------------------	--------

8. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

11. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2013	01/01/2013
Tiền mặt	7.377.836.606	1.917.315.538
Tiền gửi ngân hàng	(*) 172.466.419.176	54.083.028.784
Tiền gửi có kỳ hạn	2.408.565.455	105.000.000.000
Cộng	182.252.821.237	161.000.344.322

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 2,438,202.72 USD tương đương 51.519.223.474 đồng.

2. Đầu tư ngắn hạn	30/6/2013	01/01/2013
Cho vay có kỳ hạn 15 ngày, lãi suất: 1,5 %/tháng	-	1.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	-
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.1) 10.001.855.145	10.771.245.925
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.1) (2.972.572.145)	(3.088.147.925)
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	(2.2) 10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	17.379.283.000	18.883.098.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2.1) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2013

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	171.700	3.976.895.462	(1.744.795.462)	2.232.100.000
(*) Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	121.050	2.416.567.783	(128.722.783)	2.287.845.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		10.001.855.145	(2.972.572.145)	7.029.283.000

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 258.176.000 đồng.

Tại ngày 30/6/2013, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

(2.2) Đầu tư mua 1.000 trái phiếu không chuyển đổi của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (mệnh giá 10.000.000 đồng / trái phiếu) với giá mua là 10.000.000 đồng / trái phiếu; kỳ hạn: 2 năm (từ 15/7/2011 đến 15/7/2013); lãi suất: năm đầu tiên: 27 %/năm, năm sau: 5 % + trung bình cộng lãi tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã nhận được lãi trái phiếu là 700.000.000 đồng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/6/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	(3.1) 1.238.743.204.752	872.376.326.960
Trả trước cho người bán	(3.2) 28.412.229.755	79.744.036.318
Phải thu khác	(3.3) 160.044.408.603	41.710.123.149
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (10.304.053.492)	(11.222.832.468)
Cộng	1.416.895.789.618	982.607.653.959

(3.1) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Phải thu thương mại	(*) 389.520.715.452	439.852.402.949
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	849.222.489.300	432.523.924.011
Cộng	1.238.743.204.752	872.376.326.960

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 30,228.10 USD tương đương 638.719.753 đồng.

(3.2) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Trả trước thương mại	(*) 18.510.908.019	69.707.555.624
- Trả trước đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	9.901.321.736	10.036.480.694
Cộng	28.412.229.755	79.744.036.318

(*) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 235,000.00 USD tương đương 4.913.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.3) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ	160.410.963	626.663.701
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	159.825.209.485	40.951.066.754
- Các khoản phải thu khác	58.788.155	132.392.694
Cộng	160.044.408.603	41.710.123.149
(3.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:		
- Số dư đầu năm		(11.222.832.468)
- Trích lập dự phòng		-
- Hoàn nhập dự phòng		918.778.976
- Số dư cuối kỳ		(10.304.053.492)
4. Hàng tồn kho	30/6/2013	01/01/2013
Hàng hóa	110.069.367.763	87.333.986.908
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (2.090.410.018)	(1.938.415.992)
Cộng	107.978.957.745	85.395.570.916
(*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
- Số dư đầu năm		(1.938.415.992)
- Trích lập dự phòng		(151.994.026)
- Hoàn nhập dự phòng		-
- Số dư cuối kỳ		(2.090.410.018)
5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	10.038.362
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	7.932.997.301	23.709.966.582
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(5.1) 34.993.203.490	-
Tài sản ngắn hạn khác	(5.2) 12.322.814.606	7.596.719.728
Cộng	55.249.015.397	31.316.724.672
(5.1) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Thuế giá trị gia tăng được hoàn	33.480.618.058	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.512.585.432	-
Cộng	34.993.203.490	-
(5.2) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Các khoản tạm ứng	4.577.330.000	257.700.000
- Ký quỹ thuế văn phòng	19.000.000	19.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	2.743.359.728	2.743.359.728
- Ký quỹ mua hàng hoá (235,831.75 USD)	4.983.124.878	4.576.660.000
Cộng	12.322.814.606	7.596.719.728

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.324.680.901	186.929.800	17.613.699.932	13.524.811.676	57.650.122.309
Tăng	-	-	-	-	-
Giảm	-	-	711.105.525	678.685.989	1.389.791.514
Số dư cuối kỳ	26.324.680.901	186.929.800	16.902.594.407	12.846.125.687	56.260.330.795
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.678.602.140	145.384.124	7.461.704.284	8.783.442.073	20.069.132.621
Tăng	604.347.252	15.099.462	1.091.178.014	1.197.205.785	2.907.830.513
Giảm	-	-	701.185.707	599.211.012	1.300.396.719
Số dư cuối kỳ	4.282.949.392	160.483.586	7.851.696.591	9.381.436.846	21.676.566.415
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	22.646.078.761	41.545.676	10.151.995.648	4.741.369.603	37.580.989.688
Số dư cuối kỳ	22.041.731.509	26.446.214	9.050.897.816	3.464.688.841	34.583.764.380

Tài sản cố định hữu hình giảm do nhượng bán và chuyển sang công cụ, dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.043.644.771 đồng.

Tại ngày 30/6/2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 17.796.095.603 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá	Máy móc thiết bị	38.915.402.999
Khấu hao phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2013		3.891.540.297
Khấu hao lũy kế đến 30/6/2013		4.540.130.340
Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2013		34.375.272.569

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	37.332.567.430	354.393.816	37.686.961.246
Tăng	-	-	-
Giảm	-	12.000.000	12.000.000
Số dư cuối kỳ	(*) 37.332.567.430	342.393.816	37.674.961.246
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	381.534.556	308.667.147	690.201.703
Tăng	30.127.278	30.609.166	60.736.444
Giảm	-	12.000.000	12.000.000
Số dư cuối kỳ	411.661.834	327.276.313	738.938.147

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	36.951.032.874	45.726.669	36.996.759.543
Số dư cuối kỳ	36.920.905.596	15.117.503	36.936.023.099

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng; quyền sử dụng đất vô thời hạn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trị giá 1.374.739.810 đồng (đang làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mang tên Công ty); và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng.

Tài sản cố định vô hình giảm theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá phần mềm cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 158.738.816 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn (33.607.900.000 đồng) được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí liên quan đến việc lắp đặt phần mềm ERP	8.221.332.551	7.730.212.551
Cộng	8.221.332.551	7.730.212.551

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30/6/2013	01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	(10.1) 345.584.000.000	265.584.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(10.1) 43.390.000.000	43.390.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(10.2) 76.970.767.544	77.778.994.814
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.3) (32.150.333.715)	(31.752.284.978)
Cộng	433.794.433.829	355.000.709.836

(10.1) bao gồm:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 30/6/2013
(*) - Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100,00%	100,00%	100.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	100,00%	100,00%	80.000.000.000
(*) - Công ty TNHH Thép SMC	100,00%	100,00%	60.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100,00%	100,00%	30.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100,00%	100,00%	20.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội	80,64%	80,64%	25.584.000.000
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50,00%	50,00%	41.640.000.000
(**) - Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt	35,00%	35,00%	1.750.000.000
Cộng			388.974.000.000

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã nhận được lợi nhuận được chia từ các công ty này bằng tiền là 34.548.640.752 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(**) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thoả thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên (dự kiến vấn đề này sẽ được xử lý trong năm 2013).

(10.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2013

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	28.099.960.344	(12.739.960.344)	15.360.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(8.011.911.200)	4.163.896.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.064.500.000)	655.500.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	-	10.100.000.000
Cộng		76.970.767.544	(29.816.371.544)	47.154.396.000

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 478.244.980 đồng.

Tại ngày 30/6/2013, Công ty không xác định được giá trị sổ sách của các chứng khoán nêu trên do chưa thu thập được Báo cáo Kiểm toán của công ty nhận đầu tư nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

(10.3) Bao gồm:

	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Đầu tư vào công ty con	345.584.000.000	(998.712.171)	344.585.287.829
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	43.390.000.000	(1.335.250.000)	42.054.750.000
Đầu tư dài hạn khác	76.970.767.544	(29.816.371.544)	47.154.396.000
Cộng	465.944.767.544	(32.150.333.715)	433.794.433.829

11. Tài sản dài hạn khác

		30/6/2013	01/01/2013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(11.1)	5.982.372.023	6.253.368.879
Tài sản dài hạn khác	(11.2)	3.001.477.643	3.001.477.643
Cộng		8.983.849.666	9.254.846.522

(11.1) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau

		30/6/2013	01/01/2013
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		2.576.013.373	2.805.708.117
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		3.406.358.650	3.406.358.650
- Lỗi chênh lệch tỷ giá		-	41.302.112
Cộng		5.982.372.023	6.253.368.879

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.2) bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		3.001.477.643	3.001.477.643
Cộng		3.001.477.643	3.001.477.643
12. Nợ ngắn hạn		30/6/2013	01/01/2013
Vay và nợ ngắn hạn	(12.1)	804.363.884.609	599.040.984.670
Phải trả người bán	(12.2)	898.752.692.970	470.198.477.708
Người mua trả tiền trước	(12.3)	5.205.663.543	16.047.138.954
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(12.4)	33.507.474	9.017.519.520
Phải trả người lao động		-	1.885.903.001
Chi phí phải trả (chi phí lãi vay)		660.025.555	877.385.486
Các khoản phải trả khác	(12.5)	20.828.700.707	2.557.084.945
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.998.121.442	8.350.595.202
Cộng		1.739.842.596.300	1.107.975.089.486
(12.1) bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
- NH TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	(a)	63.241.252.832	83.164.547.364
- NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(b)	42.076.735.411	72.000.000.000
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(c)	137.182.729.463	168.959.454.147
- NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	(d)	204.325.352.144	132.000.000.000
- Công ty TNHH SMC - Sumit	(e)	66.000.000.000	24.000.000.000
- NH TMCP Công Thương Việt Nam	(f)	279.562.508.439	112.970.154.367
- Vay các cá nhân	(g)	5.935.000.000	-
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(13.1*)	6.040.306.320	5.946.828.792
Cộng		804.363.884.609	599.040.984.670

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM07120631 ngày 26/4/2012 và biên bản sửa đổi ngày 06/3/2013 giữa Công ty, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty TNHH Thép SMC, Công ty CP SMC Hà Nội và Ngân hàng với tổng hạn mức là 10 triệu USD; thời hạn vay: 02 tuần; lãi suất vay tại ngày 30/6/2013: 5,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo quy định của hợp đồng thế chấp ngày 27/4/2012. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2013 là 63.241.252.832 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM 130332 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty CP SMC Hà Nội, Công ty và Ngân hàng ngày 14/5/2013 với tổng hạn mức là 280 tỷ đồng; thời hạn vay: 02 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2013: từ 4,95%/năm đến 5,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa của các công ty với tổng giá trị đảm bảo là 323 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2013 là 42.076.735.411 đồng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013 với hạn mức là 450 tỷ đồng; thời hạn vay: 04 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2013: 4,5%/năm đến 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2013 là 137.182.729.463 đồng.

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) theo thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/13-30 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty và Ngân hàng ngày 10/6/2013 với tổng hạn mức là 20 triệu USD; thời hạn vay: 01 tuần; lãi suất vay tại ngày 30/6/2013: 5,2%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2013 là 204.325.352.144 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Khoản vay Công ty TNHH MTV SMC - Summit (Công ty liên doanh) theo 05 hợp đồng tín dụng và các phụ lục bổ sung với tổng số tiền vay là 66.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 1 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2013 là 7,5%/năm.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 12.122061/HĐTDHM ngày 28/4/2012 và phụ lục ngày 19/01/2013 với tổng hạn mức là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2013: 5,5%/năm đến 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM với giá trị ước tính là 41.034.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2013 là 279.562.508.439 đồng.

(g) Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thoả thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 9%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(12.2) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 19,511,924.60 USD tương đương 412.286.966.798 đồng.

(12.3) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Các bên liên quan trả trước (thuyết minh số VII.1)	-	10.899.969.033
- Các khoản người mua trả trước thương mại	5.205.663.543	5.147.169.921
Cộng	5.205.663.543	16.047.138.954

(12.4) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.293.335.493
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.441.276.692
- Thuế thu nhập cá nhân	33.507.474	282.907.335
Cộng	33.507.474	9.017.519.520

(12.5) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
- Kinh phí công đoàn	274.182.205	730.402.542
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	1.194.750.000	1.185.000.000
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	19.179.458.877	258.199.778
- Các khoản phải trả khác	180.309.625	383.482.625
Cộng	20.828.700.707	2.557.084.945

13. Nợ dài hạn	30/6/2013	01/01/2013
Vay và nợ dài hạn (13.1)	19.628.977.202	22.298.620.867
Doanh thu chưa thực hiện (13.2)	18.436.049.970	71.232.897.960
Cộng	38.065.027.172	93.531.518.827

(13.1) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	USD	Tương đương VND
- Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	651.274,21	13.761.424.057
- Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	563.552,27	11.907.859.465
- Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(285.863,00)	(6.040.306.320)
Cộng	928.963,48	19.628.977.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.2) Khoản nhận trước từ khách hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán thép (số lượng và giá trị đã được xác định khi ký hợp đồng).

14. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/6/2013
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
(b) Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	67.543.366.739	7.416.730.499	-	74.960.097.238
Quỹ dự phòng tài chính	15.417.791.134	-	-	15.417.791.134
(c) Lợi nhuận chưa phân phối	30.993.069.323	22.336.432.048	33.537.357.484	19.792.143.887
Cộng	562.527.114.556	29.753.162.547	33.537.357.484	558.742.919.619

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	30/6/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(b) Tính đến 30/6/2013, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(c) Lợi nhuận chưa phân phối	
- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2013	30.993.069.323
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh 6 tháng đầu năm 2013	(*) 22.336.432.048
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.247.470.585)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(7.416.730.499)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(220.000.000)
- Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền	(20.658.156.400)
- Khoản khác	5.000.000
Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2013	19.792.143.887

(*) Trong đó, bao gồm khoản lợi nhuận năm 2012 và 2013 của các công ty con chuyển về là 34.548.640.752 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
15. Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hoá	4.135.257.590.826	3.715.073.114.869
Doanh thu cung cấp dịch vụ	888.960.000	506.160.000
Hàng bán bị trả lại	(208.277.750)	(1.346.358.299)
Giảm giá hàng bán	(266.992.600)	-
Cộng	4.135.671.280.476	3.714.232.916.570
16. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thép các loại xuất bán trong kỳ	4.095.103.044.367	3.655.062.792.788
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	151.994.026	1.810.759.824
Cộng	4.095.255.038.393	3.656.873.552.612
17. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	756.177.237	625.315.798
Lãi ký quỹ	-	2.291.418.219
Lãi trái phiếu	700.000.000	1.350.000.000
Lãi ứng vốn	3.789.048.756	2.251.818.055
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.370.192.381	2.437.073.648
Lãi bán chứng khoán	1.963.847.000	788.125.736
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.285.061.732	41.999.674.525
Cộng	45.864.327.106	51.743.425.981
18. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	22.465.156.709	28.219.315.329
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	282.472.957	1.406.540.227
Lỗ bán chứng khoán	1.685.618.050	1.315.919.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.980.509.762	2.457.804.515
Cộng	30.413.757.478	33.399.579.844
19. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.560.079.491	3.307.979.331
Chi phí công cụ, dụng cụ	38.763.847	3.672.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	261.649.238	1.194.669.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.977.092.509	7.218.660.332
Chi phí bằng tiền khác	2.365.524.195	618.845.805
Cộng	16.203.109.280	12.343.827.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
20. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.778.864.714	4.447.347.339
Chi phí dụng cụ văn phòng	240.084.302	66.156.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.706.917.719	1.476.100.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.119.584.657	6.090.312.283
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(918.778.976)	3.835.868.091
Chi phí bằng tiền khác	1.718.893.418	1.311.766.079
Cộng	17.645.565.834	17.227.550.067
	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
21. Thu nhập khác		
Thu do nhượng bán tài sản cố định	218.272.727	-
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	4.980.000.000	-
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	24.385.839	460.750.000
Thu từ nhận bồi thường	76.374.989	282.408.516
Xử lý hàng hoá thừa kiểm kê	232.175.311	586.776.494
Thu lãi quá hạn	713.148.010	5.725.874.808
Thu nhập khác	31.492.905	81.908.277
Cộng	6.275.849.781	7.137.718.095
	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
22. Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính sử dụng cho thuê	3.891.540.291	-
Chi phí phạt	62.492.971	-
Xử lý hàng hóa thiếu kiểm kê	1.674.293.006	237.883.722
Chi phí khác	58.231.206	13.248.571
Cộng	5.686.557.474	251.132.293
	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.607.428.904	53.018.418.525
Chi phí không được trừ	62.492.971	200.000
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	7.000.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(918.778.976)	3.835.868.091
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(35.285.061.732)	(43.349.674.525)
Thu nhập tính thuế ước tính	(13.533.918.833)	20.504.812.091
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	5.126.203.023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
24. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	229.694.744	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	41.302.112	-
Cộng	270.996.856	-

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	278.848.149	69.828.272
Chi phí nhân công	6.338.944.205	7.755.326.670
Chi phí khấu hao	6.860.107.248	2.670.769.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.096.677.166	13.308.972.615
Chi phí khác bằng tiền	3.165.638.637	5.766.479.975
Cộng	37.740.215.405	29.571.377.372

VII. Thông tin khác

1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	140.920.806.508
		Phải thu khác	68.042.255.463
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	490.910.955.257
		Phải thu khác	38.671.995.832
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Phải thu	155.255.635.753
		Phải thu khác	1.166.136.892
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải thu	12.193.573.569
		Phải thu khác	1.716.391.298
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải trả khác	(10.899.969.033)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu	11.413.000.000
		Phải thu khác	50.228.430.000
		Trả trước người bán	9.901.321.736
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Phải trả khác	(6.864.045.400)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	38.528.518.213
		Vay ngắn hạn	(66.000.000.000)
		Phải trả khác	(1.415.444.444)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1.194.750.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Nghiệp vụ các bên liên quan (tiếp theo)

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	168.799.947.870
		Cung cấp dịch vụ	3.000.000
		Lãi ứng vốn	1.549.593.394
		Nhận lợi nhuận được chia	7.291.244.026
		Mua hàng hoá	(275.560.038)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(145.474.860)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hoá	434.135.286.535
		Cung cấp dịch vụ	206.580.000
		Nhận lợi nhuận được chia	4.464.947.276
		Nhận cung cấp dịch vụ	(99.157.331)
		Mua hàng hoá	(276.543.801.706)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	581.667.788.105
		Cung cấp dịch vụ	42.000.000
		Lãi ứng vốn	1.267.817.193
		Nhận lợi nhuận được chia	19.907.007.519
		Mua hàng hoá	(12.702.093.745)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(613.622.649)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	442.363.259.845
		Cung cấp dịch vụ	39.000.000
		Nhận lợi nhuận được chia	2.885.441.931
		Lãi ứng vốn	27.256.667
		Mua hàng hoá	(31.665.188.623)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hoá	26.449.898.010
		Cho thuê tài chính	4.980.000.000
		Lãi ứng vốn	944.381.502
		Mua hàng hoá	(9.846.965.339)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(571.135.265)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Bán hàng hoá	151.122.520.658
		Chi phí lãi vay	(2.131.222.221)
		Vay ngắn hạn	42.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	598.380.000
		Mua hàng hoá	(120.107.235.094)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các cam kết khác

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có cam kết bán thép đến khách hàng theo các hợp đồng mua bán thép như sau:

	Số lượng	Giá trị
Theo hợp đồng	4.758.519	49.579.552.959
Đã thực hiện	(4.361.473)	(45.267.993.542)
Còn thực hiện	397.046	4.311.559.417

- Công ty cam kết cho thuê 01 dây chuyền máy cắt thép lá và 01 dây chuyền xả băng thép lá đến Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (công ty con) theo hợp đồng thuê mua tài sản máy móc thiết bị số 434/SMC-2012 và 435/SMC-2012 ngày 05/11/2012 như sau:

+ Thời gian thuê: từ ngày 01/11/2012 đến 31/12/2017. Công ty Cổ phần SMC Hà Nội sẽ được toàn quyền sở hữu tài sản tại thời điểm hoàn tất thanh toán toàn bộ giá trị tài sản thuê mua theo hợp đồng.

+ Tiền thuê mua: 830.000.000 đồng / tháng (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại tại ngày 01/01 mỗi năm và điều chỉnh (nếu có) bằng phụ lục hợp đồng với mức tăng/giảm tối đa +/-10% tiền thuê mua.

+ Thanh toán tiền thuê: ân hạn 02 tháng kể từ ngày 01/11/2012 và thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ luôn được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

Tài sản tài chính	USD	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng	2.438.202,72	51.519.223.474
- Phải thu khách hàng	30.228,10	638.719.754
- Ký quỹ	235.831,75	4.983.124.878
Cộng	2.704.262,57	57.141.068.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nợ tài chính	USD	Tương đương VND
- Vay và nợ ngắn hạn	285.863,00	6.040.306.320
- Phải trả người bán	19.511.924,60	412.286.966.798
- Vay và nợ dài hạn	928.963,48	19.628.977.202
Cộng	20.726.751,08	437.956.250.320
Mức rủi ro tiền tệ	(18.022.488,51)	(380.815.182.214)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013 sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (19.040.759.111 đồng) Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	30/6/2012	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng	2.758.565.455	55.171.309
- Trái phiếu	10.000.000.000	200.000.000
- Ký quỹ	7.726.484.606	154.529.692
Cộng	20.485.050.061	409.701.001
Nợ phải trả có lãi suất	30/6/2012	Biến động lãi suất 2%
- Các khoản vay và nợ	823.992.861.811	16.479.857.236
Cộng	823.992.861.811	16.479.857.236
Chênh lệch		(16.070.156.235)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất hoặc tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (16.070.156.235 đồng).

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 30/6/2013	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	804.363.884.609	19.628.977.202	823.992.861.811
- Phải trả người bán	898.752.692.970	-	898.752.692.970
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.507.474	-	33.507.474
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	21.488.726.262	-	21.488.726.262
Cộng	1.724.638.811.315	19.628.977.202	1.744.267.788.517

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Công ty tin tưởng vẫn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay ngắn hạn (thuyết minh tại mục số 6 và 8 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đơn vị tính: 1.000 đồng					
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	6.393.463	-	(1.873.518)	4.519.945	1.873.518
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	3.608.392	-	(1.099.054)	2.509.338	1.099.054
Tiền gửi có kỳ hạn	2.758.565	-	-	2.758.565	-
Trái phiếu công ty	10.000.000	-	-	10.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	28.099.960	-	(12.739.960)	15.360.000	12.739.960
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn UPCOM	14.895.807	-	(10.076.411)	4.819.396	10.076.411
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	422.949.000	11.192.262	(9.333.962)	424.807.300	9.333.962
Cộng	488.705.188	11.192.262	(35.122.906)	464.774.544	35.122.906

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tại ngày 30/6/2013, đối với các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác: do Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nên Công ty ghi nhận theo giá gốc đầu tư ban đầu hoặc theo giá trị xét đoán của Ban Giám đốc. Riêng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được Công ty xác định giá thị trường dựa trên giá trị tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 1.416.491.448.778 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	30/6/2013
Tổng gộp	10.708.394.332
Trừ dự phòng giảm giá trị	(10.304.053.492)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	404.340.840
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2013)	(11.222.832.468)
Tăng do trích lập	-
Giảm do hoàn nhập	918.778.976
Số dư cuối kỳ (30/6/2013)	(10.304.053.492)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Một số chỉ tiêu khác

Chi tiêu	Đơn vị tính	30/6/2013	30/6/2012
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,17%	77,05%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,83%	22,95%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76,09%	69,86%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	23,91%	30,14%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,31	1,43
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,02	1,10
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10	0,06
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,55%	1,43%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,54%	1,29%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,97%	2,85%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,96%	2,58%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	4,00%	8,56%



Đỗ Doãn Thành Công
 Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2013